TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159 /2019/ DS -ST
Ngày 10 - 10 - 2019
V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á.

2. Bà Ngô Thị Thúy Hồng.

Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Hoài Nhơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Chánh Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2018/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2019/QĐXX ST- DS ngày 13 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 286A /2019/QĐST- DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự;

1. *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị A, sinh năm 1976 (có mặt)

Trú tại: Thôn D, xã Y , huyện K , tỉnh Z.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Hồng B, sinh năm 1973 (có mặt)

Bà Đỗ Thị Thanh C, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng trú tại : Thôn H, xã M , huyện K , tỉnh Z.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2018 và các lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị A trình bày:

Ngày 10/10/2017 (âm lịch) bà Võ Thị A cho vợ chồng ông Nguyễn Hồng B và bà Đỗ Thị Thanh C mượn số tiền 250.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền là 15 ngày, giấy mượn tiền này vợ chồng ông B bà C cùng ký tên. Đến ngày 03/11/2017 vợ chồng ông B bà C trả cho bà 200.000.000đồng và còn nợ

lại 50.000.000đồng. Ngày 24/5/2018 vợ chồng ông B bà C mượn tiếp 70.000.000đồng; ngày 07/8/2018 mượn 5.000.000đồng và ngày 10/10/2018 mượn 20.000.000đồng, 03 lần mượn tiền này hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn mượn tiền ngày 10/10/2018 là 15 ngày, còn thời hạn mượn tiền ngày 24/5/2018 và ngày 7/8/2018 là 01 tháng, bà C có đưa cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Hồng B và 01 sổ bảo hiểm AIA nhưng sau đó bà đã trả cho bà C xong, 03 giấy mượn tiền này chỉ có một mình bà C ký vào giấy mượn tiền, tuy ông C không ký tên nhưng ông C có gọi điện thoại cho bà để mượn tiền nên bà đã giao tiền cho bà B nhận trực tiếp, do đó số tiền này là khoản nợ chung của vợ chồng ông B và bà C. Tổng cộng vợ chồng ông B bà C còn nợ bà số tiền 145.000.000đồng.

Sau khi bà khởi kiện vợ chồng ông B bà C thì đến ngày 17/5/2019 và ngày 03/6/2019 ông B đã trả cho bà tổng cộng được 50.000.000đồng đối với khoản nợ mà vợ chồng ông B mượn ngày 10/10/2017 (âm lịch). Nay bà A yêu cầu vợ chồng ông B, bà C trả cho bà số tiền 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu) đồng của giấy mượn tiền viết ngày 24/5/2018, ngày 07/8/2018, ngày 10/10/2018, bà Liên không yêu cầu tính lãi suất.

- Theo các lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hồng B trình bày:

Ngày 10/10/2017 (âm lịch) vợ chồng ông có mượn của bà Võ Thị A số tiền 250.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn mượn tiền là 15 ngày, giấy mượn tiền vợ chồng ông ký tên và cùng nhận tiền, đến ngày 03/11/2017 vợ chồng ông trả cho bà A được 200.000.000đồng còn nợ lại 50.000.000đồng, ngày 17/5/2019 và ngày 03/6/2019 ông đã trả xong số tiền này cho bà A. Đối với các giấy mượn tiền đề ngày 24/5/2018, ngày 7/8/2018 và ngày 10/10/2018 tổng cộng 95.000.000đồng, số tiền này không phải là khoản nợ chung của vợ chồng vì lúc bà C mượn tiền bà A, bà C không bàn bạc hay thỏa thuận gì với ông, số tiền này bà C mượn không sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế chung của gia đình, ông B xác định số tiền 95.000.000đồng là khoản nợ riêng của bà nên bà C có nghĩa vụ trả cho bà A. Nay ông B không chấp nhận yêu cầu của bà A.

Việc bà C có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay sổ bảo hiểm AIA hay không thì ông không biết nên tại phiên tòa ông B không yêu cầu giải quyết về các giấy tờ mà bà C thế chấp cho bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự ;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Bà Đỗ Thị Thanh C trả cho bà Võ Thị A số tiền 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng.

Bà C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đỗ Thị Thanh C nhưng tại phiên tòa hôm nay bà C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Thanh C.

[2] Về nội dung: Bà A và ông B thừa nhận do quen biết nhau nên ngày 10/10/2017 (âm lịch) bà Võ Thị A và vợ chồng ông Nguyễn Hồng B, bà Đỗ Thị Thanh C có giao kết hợp đồng dân sự cụ thể bà A cho vợ chồng ông B bà C vay 250.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền là 15 ngày, đến ngày 03/11/2011 vợ chồng ông B trả cho bà A được 200.000.000đồng còn nợ lại 50.000.000đồng, khoản nợ này ông B xác định là nợ chung của vợ chồng nên ngày 17/5/2019 và ngày 03/6/2019 ông B tự nguyện chịu trách nhiệm trả số tiền này cho bà A. Tại phiên Tòa bà A yêu cầu vợ chồng bà Đỗ Thị Thanh C, ông Nguyễn Hồng B liên đới trả cho bà số tiền 95.000.000đồng tại các giấy mượn tiền đề ngày 24/5/2018; ngày 07/8/2018 và ngày 10/10/2018. Ông B không chấp nhận yêu cầu của bà A vì cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà C nên bà C có nghĩa vụ trả cho bà A.

Căn cứ vào các giấy mượn tiền đề ngày 24/5/2018; ngày 07/8/2018 và ngày 10/10/2018 thể hiện bà A có cho bà C vay tổng số tiền 95.000.000đồng, trong các giấy này bà C đều ký tên là Đỗ Thị C , bà A xác nhận rằng trong ba giấy mượn tiền này đều do bà C tự ghi toàn bộ nội dung và ký tên nên không yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ viết và chữ ký của bà C.

Nhận thấy, sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C nhưng bà C vẫn không có mặt tại Tòa và cũng không có ý kiến hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả một phần

hay toàn bộ số tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định việc bà A cho bà C vay số tiền 95.000.000đồng là có thật nên bà C phải có nghĩa vụ trả lại tiền cho bà A.

Xét bà C và ông B là vợ chồng hợp pháp, tuy nhiên căn cứ vào 03 giấy mượn tiền đề ngày 24/5/2018; ngày 07/8/2018 và ngày 10/10/2018 thì chỉ có một mình bà C ký tên, việc bà A cho rằng bà C vay tiền để sử dụng mục đích chung của gia đình, việc nại này không được ông B chấp nhận, bà A cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền 95.000.000đồng là khoản nợ riêng của bà C đối với bà A.

[3] Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa bà C và bà A là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, yêu cầu của bà A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xét buộc bà C trả cho bà A số tiền 95.000.000đồng là phù hợp với quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bà A không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ bảo hiểm AIA mà bà C thế chấp cho bà A. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa các bên đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ trên cho Tòa án và đồng thời không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét đối với các giấy tờ thế chấp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn phù hợp với nhận định trên nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà A được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án".

Hoàn trả cho bà A 3.625.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai bà A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án".

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị A. Buộc bà Đỗ Thị Thanh C trả cho bà Võ Thị A số tiền 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C phải chịu 4.750.000(bốn triệu bảy trăm năm chục ngàn) đồng sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho bà A 3.625.000(ba triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai số 0008317 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS huyện Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Bích

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 30 phuùt ngày 08 tháng 01 năm 2019
Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Ngọc Bích
Các Hội thẩm nhân dân : ông Phan Á
Bà Ngô Thị Thúy Hồng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số : 139 /2018/TLST –DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 về : " tranh chấp hợp đồng vay tài sản " giữa :

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thủy, sinh năm 1959

Trú tại: thôn An Dưỡng 1, xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Cảnh, sinh năm 1966.

Trú tại : thôn An Dinh 1, xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

“quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Buộc bà Phạm Thị Cảnh trả cho bà Trần Thị Thủy số tiền 431.000.000đ (bốn trăm ba mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày bản án , quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm : Bà Phạm Thị Cảnh phải chịu 10.720.000đồng sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho bà Thủy 10.720.000đồng tiền tạm ứng án phí bà Thủy đã nộp theo biên lai số 0008115 ngày 27 tháng 8 năm 2018 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết : 3/3 = 100%

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 01 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa